

**CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP
THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ**

Số: 199 /CV-STP

V/v: Công bố BCTC
quý 1/2015 (công ty mẹ)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 23 tháng 04 năm 2015

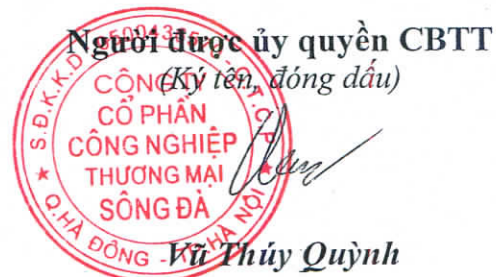
**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên công ty: Công ty CP Công nghiệp thương mại Sông Đà
2. Mã chứng khoán: STP
3. Địa chỉ trụ sở: Phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, TP. Hà Nội
4. Điện thoại: 04. 33521290/33828440 (máy lẻ 115); Fax: 04. 33822791
5. Người thực hiện công bố thông tin: Vũ Thúy Quỳnh
6. Nội dung thông tin công bố:
 - 6.1. Báo cáo tài chính quý 1/2015 của Công ty cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà được lập ngày 23 tháng 04 năm 2015, bao gồm: BCĐKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
 - 6.2. Nội dung giải trình về chênh lệch lợi nhuận sau thuế BCTC quý 1 năm 2015 so với cùng kỳ năm ngoái.
 - 6.3. Các tài liệu đính kèm:
 - Báo cáo tài chính quý 1 năm 2015 (công ty mẹ).
 - Công văn số 198 CT/TCKT ngày 23/04/2015 về giải trình chênh lệch số liệu BCTC quý 1 năm 2015 (công ty mẹ).
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính quý 1 năm 2015 của Công ty cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà: stp.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu TH



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ
YÊN NGHĨA - HÀ ĐÔNG - HÀ NỘI



BÁO CÁO TÀI CHÍNH (CÔNG TY MẸ)
QUÝ I NĂM 2015

Hà Nội, năm 2015

S.Đ.K.

DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN - MẸ

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		124,954,130,204	120,323,611,992
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V1	26,361,293,029	30,074,295,245
1. Tiền	111		6,738,502,467	9,574,295,245
2. Các khoản tương đương tiền	112		19,622,790,562	20,500,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		10,085,000,000	85,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V2	154,438,000	154,438,000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V3	-69,438,000	-69,438,000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		10,000,000,000	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		70,298,779,801	63,892,258,615
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V4	53,923,827,076	47,498,391,249
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		273,520,000	149,076,940
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V5	20,998,407,688	21,141,765,389
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V6	-4,896,974,963	-4,896,974,963
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		15,641,876,334	16,464,080,347
1. Hàng tồn kho	141	V7	15,641,876,334	17,035,065,087
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			-570,984,740
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2,567,181,040	9,807,977,785
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151			
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,164,479,251	7,934,256,182
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V8	1,158,201,789	1,733,727,340
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	V9	244,500,000	139,994,263
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		42,792,945,116	42,900,999,715
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216			
7. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220	V10	12,454,004,160	13,315,885,356
1. Tài sản cố định hữu hình	221		12,454,004,160	13,315,885,356
- Nguyên giá	222		44,104,114,103	44,104,114,103

- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-31,650,109,943	-30,788,228,747
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227			
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế	229			
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V11	572,172,342	237,651,042
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		572,172,342	237,651,042
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		27,024,701,560	27,024,701,560
1. Đầu tư vào công ty con	251	V12	29,537,033,203	29,537,033,203
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V13	10,041,486,640	10,041,486,640
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V14	-12,553,818,283	-12,553,818,283
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2,742,067,054	2,322,761,757
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V15	1,150,345,104	1,044,868,971
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268		1,591,721,950	1,277,892,786
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		167,747,075,320	163,224,611,707
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		29,358,017,920	27,930,095,686
I. Nợ ngắn hạn	310		29,358,017,920	27,930,095,686
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V17	5,576,778,244	16,197,071,369
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1,383,421,374	1,351,572,917
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313		23,921,162	988,028,397
4. Phải trả người lao động	314		976,844,384	1,491,173,037
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V19	257,990,000	551,708,279
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		199,366,363	245,892,711
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V16	20,596,557,925	6,736,331,250
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	V20	343,138,468	368,317,726
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính Phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330			
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			

5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
D-VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V21	138,389,057,400	135,294,516,021
I. Vốn chủ sở hữu	410		138,389,057,400	135,294,516,021
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		70,000,000,000	70,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		70,000,000,000	70,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		54,102,373,080	54,102,373,080
3. Quyền chọn sửa đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ	415		-12,149,015,060	-12,149,015,060
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		29,794,582,914	29,794,582,914
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-3,358,883,534	-6,453,424,913
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-6,453,424,913	-6,453,424,913
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3,094,541,379	
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		167,747,075,320	163,224,611,707

Lập, ngày 23 tháng 4 năm 2015

Người lập biểu

Jan

Kê toán trưởng

Jan

Giám đốc

Nguyễn Trọng Trãi



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Trọng Trãi

DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ - MẸ

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý này Năm nay	Quý này Năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V1.1	47,728,408,584	84,803,535,833	47,728,408,584	84,803,535,833
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		23,311,899	19,672,727	23,311,899	19,672,727
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		47,705,096,685	84,783,863,106	47,705,096,685	84,783,863,106
4. Giá vốn hàng bán	11	V1.2	42,943,229,016	76,374,937,084	42,943,229,016	76,374,937,084
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		4,761,867,669	8,408,926,022	4,761,867,669	8,408,926,022
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V1.3	291,128,757	143,893,459	291,128,757	143,893,459
7. Chi phí tài chính	22	V1.4	128,534,035	-423,334,705	128,534,035	-423,334,705
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		55,211,864	34,010,903	55,211,864	34,010,903
8. Chi phí bán hàng	25	V1.5	924,856,262	1,400,102,122	924,856,262	1,400,102,122
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V1.6	926,370,284	2,202,779,120	926,370,284	2,202,779,120
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30=20+(21-22) - (25+26))	30		3,073,235,845	5,373,272,944	3,073,235,845	5,373,272,944
11. Thu nhập khác	31	V1.7	634,430,657	86,543,334	634,430,657	86,543,334
12. Chi phí khác	32	V1.8	37,599,572	24,000,000	37,599,572	24,000,000
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		596,831,085	62,543,334	596,831,085	62,543,334
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		3,670,066,930	5,435,816,278	3,670,066,930	5,435,816,278
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		575,525,551	6,327,688,669	575,525,551	6,327,688,669
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		0	0	0	0
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)	60		3,094,541,379	-891,872,391	3,094,541,379	-891,872,391
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		510.1	-134.3	510.1	-134.3
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		0	0	0	0

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Người lập biểu: *[Signature]*
 Kế toán trưởng: *[Signature]*

DN - LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - QUÝ - PPTT - MỆ

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này(Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		46,453,538,935	68,522,928,646
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		-66,541,173,408	-38,982,495,043
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		-2,975,522,853	-3,661,105,074
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-55,211,864	-34,010,903
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05			-784,315,262
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		5,985,423,713	143,893,459
7. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	07			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		-17,132,945,477	25,204,895,823
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-570,984,740	-3,889,900,894
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-30,000,000	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		160,701,326	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-440,283,414	-3,889,900,894
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		20,596,557,925	5,416,638,500
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-6,736,331,250	-14,646,386,400
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		13,860,226,675	-9,229,747,900
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		-3,713,002,216	12,085,247,029
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		30,074,295,245	7,593,055,318
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		26,361,293,029	19,678,302,347

Người lập biểu

[Signature]

Lập, ngày 23 tháng 4 năm 2015
 Kế toán trưởng

[Signature]

Giám đốc



[Signature]
 TỔNG GIÁM ĐỐC
 Nguyễn Trọng Trãi

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - dịch vụ
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất kinh doanh bao bì
Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa
Kinh doanh vật tư, vận tải,...
- Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2015 Công ty có 182 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 178 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, để đang chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Công ty tính giá thành theo phương pháp phân bước có tính bán thành phẩm vì vậy chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là chi phí sản xuất kinh doanh tập hợp theo từng công đoạn hoàn thành, trong đó chi phí sản xuất chung được phân bổ theo số lượng vỏ bao sản xuất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 30
Máy móc và thiết bị	3 – 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5
Thiết bị, dụng cụ quản lý	2 – 5

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Quyền khai thác mỏ đá

Quyền khai thác mỏ đá là toàn bộ khoản tiền Công ty đã chi ra để có được quyền khai thác mỏ đá. Quyền khai thác mỏ đá được phân bổ theo thời gian khai thác của mỏ đá.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

11. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

12. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

14. Trích lập các quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

16. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại cổ phần Công Thương Việt Nam công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/3/2015 : 21.535 VND/USD
31/12/2014 : 21.375 VND/USD

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

18. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được xác định theo giá hợp lý, các tài sản tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

19. **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

20. **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

21. **Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	308.949.330	3.067.225
Tiền gửi ngân hàng	6.429.553.137	9.448.437.458
Các khoản tương đương tiền	19.622.790.562	20.622.790.562
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	19.622.790.562	20.622.790.562
Cộng	<u>26.361.293.029</u>	<u>30.074.295.245</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

Là các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn

Tên đơn vị	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Simco Sông Đà	12		12	
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	40		40	
Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội	60		60	
Công ty Cổ phần Licogi 16	10.000	154.438.000	10.000	154.438.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và XD Sao mai tỉnh An Giang				
Công ty Cổ phần Khai Khoáng và Cơ khí Hữu Nghị Vĩnh Sinh				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Tiền Giang				
Cộng		<u>154.438.000</u>		<u>154.438.000</u>

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn: do mua bán trên sàn giao dịch chứng khoán

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Là khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trích lập dự phòng bổ sung		(14.000.000)
Hoàn nhập dự phòng		2.926.357.501
Số cuối năm	<u>(69.438.000)</u>	<u>(69.438.000)</u>

4. Phải thu khách hàng

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	520.204.301	520.204.301
Công ty Xi măng CHINFON	3.369.519.989	5.504.260.014
Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái	7.123.645.000	5.446.145.000
Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	656.541.200	1.482.636.400
Công ty TNHH MTV xi măng Hạ Long	136.392.465	337.051.912
Công ty Cổ phần Xi măng Đồng Bành	422.194.402	422.194.402
Công ty TNHH SX Kinh doanh Thương mại An Phú	369.695.400	499.835.150
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội HP	5.645.697.400	453.104.000
Công ty Cổ phần Xi măng Mai Sơn	18.198.006.500	16.711.677.000
Công ty Cổ phần Lam Sơn		
Xí nghiệp bao bì Vĩnh Tuy		77.440.000
Công ty cổ phần tập đoàn XD & Du lịch Bình Minh Nikko	2.841.206.600	4.346.501.986
Công ty TNHH Dương Hồng	10.837.523.130	8.278.669.807
Công ty CP Đầu tư và Thương mại vận tải HN	2.415.176.000	2.515.176.000
Phải thu khách hàng khác	1.388.024.689	903.495.277
Cộng	<u>53.923.827.076</u>	<u>47.498.391.249</u>
5. Các khoản phải thu khác		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu tiền bảo hiểm của người lao động	55.866.985	52.081.575
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại VTKS Xuân Minh – tiền cho vay	102.000.000	102.000.000
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng	599.974.963	599.974.963
Lãi dự thu		44.472.222
Phải thu ông Chu Mạnh Thắng	11.629.500	12.629.500
Ông Chu Đức Trí – tiền cho vay	38.000.000	38.000.000
Phải thu Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Địa chất	19.490.000.000	19.590.000.000
Doanh nghiệp tư nhân Trồng rừng 327		
Phải thu Ông Lê Trọng Phú	700.936.240	700.000.000
Các khoản khác		2.607.129
Cộng	<u>20.998.407.688</u>	<u>21.141.765.389</u>
(*) 1 tháng 03 năm 2014, bên A còn nợ 19.490.000.000 VND.		
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(4.195.000.000)	(4.195.000.000)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	(1.195.000.000)	(1.195.000.000)
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên		
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán	(701.974.963)	(701.974.963)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
nhưng khó có khả năng thu hồi		
Cộng	<u>(4.896.974.963)</u>	<u>(4.896.974.963)</u>

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	(4.896.974.963)	(60.953.273)
Trích lập dự phòng		(4.896.974.963)
Hoàn nhập dự phòng		60.953.273
Số cuối năm	<u>(4.896.974.963)</u>	<u>(4.896.974.963)</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường		4.370.455.134
Nguyên liệu, vật liệu	10.369.767.612	7.673.984.096
Công cụ, dụng cụ	82.896.837	82.896.837
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.974.787.565	3.223.020.406
Thành phẩm	2.214.424.320	1.684.708.614
Hàng gửi đi bán		
Cộng	<u>15.641.876.334</u>	<u>17.035.065.087</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(570.984.740)
Giá trị thuần của hàng tồn kho		<u>16.464.080.347</u>

8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước
Là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.**9. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	244.500.000	139.994.263
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		1.277.892.786
Cộng	<u>244.500.000</u>	<u>1.417.887.049</u>

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	8.317.903.663	33.513.203.089	1.982.759.307	290.248.044	44.104.114.103
Tăng trong năm do mua sắm mới					
Giảm trong năm do thanh lý nhượng bán					

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Số cuối năm					
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	6.505.957.045	23.336.308.192	791.045.370	154.918.140	30.788.228.747
Khấu hao trong năm	134.284.065	648.016.401	68.752.728	10.828.002	861.881.196
Giảm trong năm do thanh lý nhượng bán					
Số cuối năm	6.640.241.110	23.984.324.593	859.798.098	165.746.142	31.650.109.943
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.811.946.618	10.176.894.897	1.191.713.937	135.329.904	13.315.885.356
Số cuối năm	1.677.662.553	9.528.878.586	1.122.961.209	124.501.812	12.454.004.160

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 14.230.273.281 VND và 2.830.642.958 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Chi nhánh Hà Tây.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Giảm khác (*)	Số cuối năm
Mua sắm Tài sản cố định					
Sửa chữa Tài sản cố định	237.651.042	334.521.300			572.172.342
Cộng	237.651.042	334.521.300			572.172.342

(*) Giảm khác bao gồm: Giá trị sản phẩm thu được từ chạy thử máy móc thiết bị và kết chuyển chi phí sửa chữa tài sản cố định sang chi phí trả trước dài hạn để phân bổ.

12. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng (*)		29.537.033.203		29.537.033.203
Cộng		29.537.033.203		29.537.033.203

(*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5400273378 ngày 11 tháng 05 năm 2009 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp (thay đổi lần thứ 7 ngày 27 tháng 6 năm 2012), Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng 28.200.000.000 VND, tương đương 75% vốn điều lệ.

Theo Nghị quyết số 211/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 6 năm 2014 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghiệp Thương mại Sông Đà, Công ty sẽ đầu tư vào Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng 29.537.033.203 VND, tương đương 75,356% vốn điều lệ. Trong năm, Công

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

ty đã góp thêm 587.033.203 VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty đã đầu tư 29.537.033.203 VND.

Ngày 27 tháng 11 năm 2013 HĐQT Công ty đã ban hành nghị quyết số 480/NQ-HĐQT về việc tạm dừng hoạt động của công ty này từ ngày 01/12/2013 đến 31/3/2014 do hoạt động không hiệu quả. Ngày 06 tháng 12 năm 2013 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình xác nhận Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng tạm dừng hoạt động kinh doanh từ 07/12/2013 đến 07/12/2014.

Ngày 11 tháng 11 năm 2014 HĐQT Công ty ban hành nghị quyết số 475/NĐ-HĐQT về việc tạm dừng hoạt động của công ty này từ ngày 8/12/2014 đến ngày 8/12/2015 do hoạt động không hiệu quả. Ngày 11 tháng 12 năm 2014 Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hòa Bình xác nhận Công ty TNHH xây dựng và Thương mại Sơn Tùng tạm dừng hoạt động kinh doanh từ ngày 12/12/2014 đến ngày 8/12/2015.

13. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		4.775.000.000		4.775.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Phú Thọ (i)				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45		2.775.000.000	125.000	2.775.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Hà Nội		2.000.000.000	200.000	2.000.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác		5.266.486.640		5.266.486.640
DNTN dịch vụ trồng rừng 327(ii)				
Công ty Cổ phần Lộc Ninh		5.266.486.640		5.266.486.640
Cộng		<u>10.041.486.640</u>		<u>10.041.486.640</u>

14. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng khoản lỗ của công ty con	(7.778.818.283)	(7.778.818.283)
Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn khác	(4.775.000.000)	(4.775.000.000)
- Công ty Cổ phần Xi măng Phú Thọ		
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng số 45	(2.775.000.000)	(2.775.000.000)
- Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Hà Nội	(2.000.000.000)	(2.000.000.000)
Cộng	<u>(12.553.818.283)</u>	<u>(12.553.818.283)</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(12.553.818.283)	(8.263.342.314)
Trích lập dự phòng bổ sung		(4.990.475.969)
Sử dụng dự phòng		700.000.000
Số cuối năm	<u>(12.553.818.283)</u>	<u>(12.553.818.283)</u>

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Công cụ dụng cụ đã xuất	583.703.073	31.672.728	137.578.500	477.797.301

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
dùng				
Chi phí sửa chữa tài sản	341.277.491	314.772.660	106.089.151	549.961.000
Chi phí thuê đất	74.481.684		1.095.321	73.386.363
Quyền khai thác mỏ				
Chi phí thành viên Gold Supplier				
Phí dịch vụ ALIBABA	38.431.250		13.975.000	24.456.250
Chi phí chờ kết chuyển	6.975.473	68.113.079	50.344.362	24.744.190
Cộng	1.037.893.498	414.558.467	309.082.334	1.150.345.104

16. Vay và nợ ngắn hạn

Là khoản vay Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây theo các hợp đồng:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hợp đồng số 01/2013/HĐHM ngày 18/01/2013		
Hợp đồng số 01/2014/HĐHM ngày 05/03/2014 (*)	13.356.559.675	6.736.331.250
Ngân hàng ngoại thương (chi nhánh Sóc sơn)	7.239.998.250	
Cộng	20.596.557.925	6.736.331.250

(*) Khoản vay theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2014/HĐHM ngày 05 tháng 03 năm 2014 với mục đích thanh toán tiền mua nguyên vật liệu, trả lương công nhân và thanh toán các khoản chi phí hợp lý khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hạn mức cho vay là 30.000.000.000 VND. Khoản vay này được áp dụng biện pháp đảm bảo bổ sung là tiếp tục thế chấp các tài sản sau:

- ✓ Toàn bộ hạng mục nhà cửa, vật kiến trúc trên diện tích 9.836,9 m2 đất tại Yên Nghĩa, Hà Đông thuộc dự án đầu tư di chuyển và nâng cao năng lực sản xuất vỏ bao xi măng theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 03/2007/ HĐTC ngày 1/10/2007 và các biên bản định giá lại kiêm phụ lục hợp đồng thế chấp kèm theo với giá trị: 2.782.000.000 VND
- ✓ Máy móc thiết bị (gồm 6 máy dệt, máy dựng bao và 2 dầm cầu trục) theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2007/HĐTC ngày 1/7/2007 và các biên bản định giá lại kiêm phụ lục hợp đồng thế chấp kèm theo với giá trị: 174.000.000 VND.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	6.736.331.250	9.229.747.900
Số tiền vay phát sinh	20.596.557.925	79.280.117.323
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản vay có gốc ngoại tệ cuối năm		10.417.000
Số tiền vay đã trả	6.736.331.250	(81.783.950.973)
Số cuối năm	20.596.557.925	6.736.331.250

17. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Văn Thụ	84.594.510	284.821.750
Công ty CP DVTM & VT Tran sco	329.982.165	
Công ty TNHH Giấy Mỹ Hương	73.263.350	73.263.350

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Điện lực Hà Đông	63.999.000	63.999.000
Công ty Tân Phú Chung	11.000.000	5.500.000
Công ty Cổ phần Hoá chất HP	231.815.000	852.390.000
Công ty Cổ phần Nhựa Bao Bì Ngân Hạnh	98.598.500	
Công ty TNHH Chỉ may Tuấn Hồng	215.499.610	318.872.600
Công ty CP trang Việt tiến	57.337.500	
Công ty TNHH SXTM tân đông dương	160.480.000	
Công ty CP nhựa Châu Âu		
Công ty CP Thương mại dịch vụ Lâm Anh	2.027.604.200	2.233.335.500
Công ty TNHH MTV thương mại Tuấn Tài	633.407.100	489.189.940
Công ty NISSHO	360.059.150	
Công ty TNHH sản xuất thương mại tổng hợp Hưng Thành	249.314.338	927.465.714
ITOCHU		3.375.219.375
Công ty Y & M		2.325.600.000
Công ty MARUBENI		3.728.227.500
Phải trả nhà cung cấp khác	979.823.821	1.519.186.640
Cộng	<u>5.576.778.244</u>	<u>16.197.071.369</u>

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa				
Thuế GTGT hàng nhập khẩu		2.176.265.120	2.176.265.120	
Thuế xuất, nhập khẩu		160.370.498	160.370.498	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.733.727.340)	575.525.551		(1.158.201.789)
Thuế thu nhập cá nhân	23.921.162	17.586.341	17.586.341	23.921.162
Thuế nhà đất				
Tiền thuê đất				
Các loại thuế khác		3.000.000	3.000.000	
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	964.107.235		964.107.235	
Cộng	<u>(745.698.943)</u>	<u>2.932.747.510</u>	<u>3.321.329.194</u>	<u>(1.134.280.627)</u>
Trong đó:				
		<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>	
Thuế nộp thừa (*)		(1.158.201.789)	(1.733.727.340)	
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		23.921.162	988.028.397	
Cộng		<u>(1.134.280.627)</u>	<u>(745.698.943)</u>	

(*) Thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.8).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.670.066.930	(1.649.963.751)		
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		558.322.483		
- Các khoản điều chỉnh tăng	37.599.572	1.070.207.235		
Thù lao thành viên Hội đồng quản trị không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất	32.000.000	96.000.000		
Chi phí phạt vi phạm hành chính	5.599.572	964.107.235		
Chi phí khai thác mỏ đá				
Chi phí Xây dựng cơ bản khu văn phòng xã Mỹ Đình ngừng thi công				
Xử lý công nợ lẻ				
Chi phí ủng hộ		10.100.000		
- Các khoản điều chỉnh giảm		(511.884.752)		
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư tiền và phải thu có gốc ngoại tệ cuối kỳ		(5.109.752)		
Hoàn nhập chi phí khai thác mỏ đá loại trừ trước đây		(506.775.000)		
Cổ tức, lợi nhuận được chia				
Thu nhập chịu thuế	3.707.666.502	(1.091.641.268)		
Lỗi các năm trước được chuyển	(1.091.641.268)			
Thu nhập tính thuế	2.616.025.234			
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%		
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông				
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm				
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp				
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước		4.959.561.162		
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	575.525.551	4.959.561.162		
Tiền thuê đất, thuế nhà đất				
Công ty nộp tiền theo thông báo Cơ quan thuế.				
Các loại thuế khác				
Công ty kê khai và nộp theo qui định.				
19. Chi phí phải trả				
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>		
Chi phí vận chuyển	257.990.000	519.808.181		
Chi phí lãi vay phải trả		11.900.098		
Chi phí tư vấn		20.000.000		
Phí bảo hiểm hàng hóa				
Cộng	257.990.000	551.708.279		
20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi				
	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	350.138.468		7.000.000	343.138.468
Quỹ phúc lợi	18.179.258		18.179.258	
Cộng	368.317.726		25.179.258	343.138.468

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	70.000.000.000	54.102.373.080	(10.699.241.300)	25.016.325.711	3.994.407.303	7.667.871.416	150.081.736.210
Mua lại cổ phiếu trong năm trước							
Lợi nhuận trong năm trước							
Trích lập các quỹ trong năm trước							
Chia cổ tức năm trước							
Số dư cuối năm trước							
Số dư đầu năm nay	70.000.000.000	54.102.373.080	(12.149.015.060)	25.469.464.853	4.325.118.061	(6.453.424.913)	135.294.516.021
Mua lại Cổ phiếu trong năm nay							
Lợi nhuận trong năm nay							
Trích lập các quỹ trong năm nay							
Chia cổ tức năm nay							
Số dư cuối kỳ	70.000.000.000	54.102.373.080	(12.149.015.060)	25.469.464.853	4.325.118.061	(3.358.883.534)	138.389.057.400

3.

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	70.000.000.000	70.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	54.102.373.080	54.102.373.080
Cổ phiếu quỹ	(12.149.015.060)	(12.149.015.060)
Cộng	111.953.358.020	111.953.358.020

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Cổ tức**

Cổ tức đã chi trả như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trả cổ tức năm 2012		
Trả cổ tức năm 2013		6.066.500.000
Cộng		6.066.500.000

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.000.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	7.000.000	7.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.000.000	7.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	933.500	933.500
- Cổ phiếu phổ thông	933.500	933.500
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.066.500	6.066.500
- Cổ phiếu phổ thông	6.066.500	6.066.500
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu****Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	47.728.408.584	84.803.535.833
- Doanh thu bán hàng hóa	22.251.364.843	29.772.805.252
- Doanh thu bán thành phẩm	25.477.043.741	55.030.730.581
Các khoản giảm trừ doanh thu:	23.311.899	19.672.727
- Chiết khấu thương mại		
- Giảm giá hàng bán	23.311.899	19.672.727
Doanh thu thuần	47.705.096.685	84.783.863.106
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	22.250.209.344	29.772.805.252
- Doanh thu thuần bán thành phẩm	25.454.887.341	55.011.057.854

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	22.028.008.380	28.641.528.885
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	20.915.220.636	47.913.408.199
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
Cộng	42.943.229.016	76.374.937.084

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	160.701.326	91.641.081
Lãi tiền gửi có kỳ hạn		
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Lãi về kinh doanh chứng khoán		45.470.090
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	130.427.431	6.782.288
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
Chiết khấu thanh toán		
Cộng	<u>291.128.757</u>	<u>143.893.459</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	55.211.864	41.820.939
Lỗ kinh doanh chứng khoán		2.252.049.828
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	73.322.171	42.072.818
Phân bổ quyền mở		126.693.750
Phí giao dịch chứng khoán		21.385.461
Hoàn nhập dự phòng đầu tư chứng khoán		<u>(2.907.357.501)</u>
Cộng	<u>128.534.035</u>	<u>(423.334.705)</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	50.000.000	150.000.000
Chi phí khấu hao TSCĐ		
Chi phí vận chuyển, tiếp thị	874.856.262	1.250.102.122
Chi phí bằng tiền khác		
Cộng	<u>924.856.262</u>	<u>1.400.102.122</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	862.194.240	1.468.364.240
Chi phí vật liệu quản lý	69.346.224	53.743.334
Chi phí đồ dùng văn phòng	21.174.809	90.861.966
Chi phí khấu hao TSCĐ	93.267.129	59.732.202
Thuế, phí và lệ phí	185.417.771	328.075.028
Chi phí dự phòng	(570.984.740)	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	149.354.430	89.677.601
Chi phí bằng tiền khác	116.600.421	112.779.120
Cộng	<u>926.270.284</u>	<u>2.202.779.120</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
--	----------------	------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi Tiền gửi		
Tiền phạt vi phạm quy chế công ty	5.100.000	
Thu bán phế liệu	66.255.000	
Tiền phạt thuế nay được miễn	499.634.501	
Tiền thuế đã nộp năm nay được miễn	63.440.956	
Thu nhập khác	200	87.072.337
Cộng	<u>634.430.657</u>	<u>87.072.337</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thù lao thành viên HĐQT không trực tiếp tham gia điều hành sản xuất	32.000.000	24.000.000
Tiền phạt chậm nộp thuế		
Giá trị còn lại TSCĐ thanh lý		
Tiền phạt hải quan	5.599.572	
Xử lý chi phí XDCB khu văn phòng xã Mỹ Đình ngừng thi công		
Chi phí khác		
Cộng	<u>37.599.572</u>	<u>24.000.000</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.998.366.366	
Chi phí nhân công	2.818.172.160	
Chi phí khấu hao tài sản cố định	861.881.196	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.119.818.474	
Chi phí khác	1.987.956.157	
Cộng	<u>24.786.194.353</u>	

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm, Công ty đầu tư góp vốn vào Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng số tiền là 248.033.203 VND bằng việc chuyển nợ cho vay thành vốn góp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	540.324.945	501.164.452
Phụ cấp	36.000.000	30.000.000
Cộng	576.324.945	531.164.452

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Tùng	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vinainvestco (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vận tải Hà Nội)	Công ty do Phó Tổng Giám đốc Công ty giữ chức vụ Giám đốc
Công ty cổ phần Vật liệu Xây dựng Hà Nội HP	Công ty do Chủ tịch Hội đồng quản trị giữ chức vụ Giám đốc

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phụ vụ cho các thị trường khác nhau của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất: Chủ yếu là sản xuất bao bì xi măng các loại
- Lĩnh vực kinh doanh: Chủ yếu là kinh doanh hạt nhựa các loại, clinker, xi măng...

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Lĩnh vực sản xuất</u>	<u>Lĩnh vực kinh doanh</u>	<u>Cộng</u>
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	25.454.887.341	22.250.209.344	47.705.096.685
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.454.887.341	22.250.209.344	47.705.096.685
Kết quả kinh doanh theo bộ phận			3.041.068.554
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			
Doanh thu hoạt động tài chính			

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực kinh doanh	Cộng
Chi phí tài chính			(128.534.035)
)Thu nhập khác			795.131.983
Chi phí khác			(37.599.572)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(575.525.551)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			3.094.541.379
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>			
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>			
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	55.011.057.854	29.772.805.252	84.783.863.106
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	55.011.057.854	29.772.805.252	84.783.863.106
Kết quả kinh doanh theo bộ phận			4.806.044.780
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			4.806.044.780
Doanh thu hoạt động tài chính			143.893.459
Chi phí tài chính			423.334.705
Thu nhập khác			86.543.334
Chi phí khác			(24.000.000)
)Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(6.327.688.669)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			(891.872.391)
<i>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</i>			
<i>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</i>	1.170.963.530		1.170.963.530

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực sản xuất	Lĩnh vực kinh doanh	Cộng
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	147.788.115.980	19.958.959.340	167.747.075.320
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			
Tổng tài sản	147.788.115.980	19.958.959.340	167.747.075.320

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Lĩnh vực sản xuất</u>	<u>Lĩnh vực kinh doanh</u>	<u>Cộng</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	29.358.017.920		29.358.017.920
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			
Tổng nợ phải trả			<u>29.358.017.920</u>

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực Hà Nội, khu vực Hải Phòng, khu vực Yên Bái, Hải Dương và Quảng Ninh.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Khu vực trong nước		
Khu vực Hà Nội	15.779.389.925	5.283.123.093
Khu vực Hải Phòng	5.181.500.000	28.485.484.363
Khu vực Yên Bái	13.107.844.200	8.875.143.181
Hải dương	3.000.000.000	945.423.700
Khu vực sơn la	8.486.329.600	9.669.969.000
Khu vực khác	2.150.032.960	32.489.815.921
Khu vực nước ngoài		
Cộng	<u>47.705.096.685</u>	<u>84.803.535.833</u>

Các chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định, các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận chỉ có tại khu vực Hà Nội

3. **Quản lý rủi ro tài chính**

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Các khoản cho vay

Công ty cho công ty con và các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.361.293.029				26.361.293.029
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				154.438.000	154.438.000
Phải thu khách hàng	53.923.827.076				53.923.827.076
Các khoản cho vay	38.000.000	599.974.963		102.000.000	739.974.963
Các khoản phải thu khác	7.100.000.000			12.390.000.000	19.490.000.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	5.266.486.640			4.775.000.000	10.041.486.640
Cộng	92.689.606.745	599.974.963		17.421.438.000	110.711.019.708

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số đầu năm				
Vay và nợ	6.736.331.250			6.736.331.250
Phải trả người bán	16.197.071.369			16.197.071.369
Các khoản phải trả khác	592.898.279			592.898.279
Cộng	23.526.300.898			23.526.300.898

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Vay và nợ	20.596.557.925			20.596.557.925
Phải trả người bán	5.576.778.244			5.576.778.244
Các khoản phải trả khác	299.180.000			299.180.000
Cộng	26.472.516.169			26.472.516.169

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 03 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.402	9.299,84
Phải thu khách hàng		203.345,12
Vay và nợ	(965.005)	(315.150,00)
Phải trả người bán		(441.125,00)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(963.603)	(543.630,04)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị lớn

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Các khoản tương đương tiền	19.622.790.562		20.622.790.562	
Vay và nợ				
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	19.622.790.562		20.622.790.562	

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa, nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty dùng toàn bộ tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt nam - Chi nhánh Hà Tây để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng này. Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015, số dư tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn là 26.052.343.699 VND và số dư tiền vay là 20.596.557.925 VND.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015, Công ty không thế chấp tài sản nào cho đơn vị khác.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 03 năm 2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THƯƠNG MẠI SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc quý 1 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính****Tài sản tài chính**

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.361.293.029		30.074.295.245		26.361.293.029	
Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	154.438.000	(69.438.000)	154.438.000		85.000.000	85.000.000
Phải thu khách hàng	53.923.827.076		47.498.391.249		53.923.827.076	47.498.391.249
Các khoản cho vay	739.974.963	(701.974.963)	739.974.963		38.000.000	38.000.000
Các khoản phải thu khác	20.190.000.000	(4.195.000.000)	20.190.000.000		15.995.000.000	20.190.000.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	10.041.486.640	(4.775.000.000)	10.041.486.640		5.266.486.640	5.266.486.640

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Vay và nợ	20.596.557.925	6.736.331.250	20.596.557.925
Phải trả người bán	5.576.778.244	16.197.071.369	5.576.778.244	16.197.071.369
Các khoản phải trả khác	299.180.000	592.898.279	299.180.000	592.898.279
Cộng	26.472.516.169	23.526.300.898	26.472.516.169	23.526.300.898

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty ước tính giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

Kế toán trưởng



Lập, ngày 23 tháng 4 năm 2015

Tổng Giám đốc



 Tổng Giám đốc
 Nguyễn Trọng Trí